

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ T
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2022/HNGĐ-ST
Ngày 30-3-2022
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ T, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Trí

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Châu;
2. Ông Nguyễn Văn Thảo.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Mỹ Nhân – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã T tham gia phiên tòa:** Ông Phạm Văn Giáp – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã T xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 212/2021/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 12 năm 2021 về việc: “Tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 3 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 22/2022/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Lê Thị Th, sinh năm 1992; địa chỉ: Tổ 3, khu phố 8, phường U, thị xã T, tỉnh Bình Dương; có mặt.

- **Bị đơn:** Ông Nguyễn Quang T, sinh năm 1988; địa chỉ: Tổ 3, khu phố 8, phường U, thị xã T, tỉnh Bình Dương; có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 29/11/2021, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Lê Thị Th trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Th và ông Nguyễn Quang T có thời gian tìm hiểu nhau và tiến tới hôn nhân, vợ chồng có đăng ký kết hôn tại UBND phường U, thị xã T, tỉnh Bình Dương và được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 26/2015, quyển số 01/2014, ngày 23/3/2015. Vợ chồng sinh sống tại tổ 3,

khu phố 4, phường U, thị xã T, tỉnh Bình Dương nhưng trong quá trình chung sống xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi vã về vấn đề tài chính gia đình. Bà Th cho rằng ông T không rõ ràng trong vấn đề tiền bạc, vợ chồng nghi ngờ lẫn nhau dẫn đến mâu thuẫn. Năm 2020, bà Th đã nộp đơn yêu cầu ly hôn nhưng thời gian này mâu thuẫn chưa đến mức trầm trọng, TAND thị xã T đã xét xử bằng Bản án số 75/2020/HNGĐ-ST ngày 16/11/2020 không chấp nhận ly hôn. Sau đó vợ chồng vẫn không thể hàn gắn được và hiện đã ly thân. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, bà Th yêu cầu được ly hôn với ông T.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Lê Tấn P, sinh ngày 09/12/2016. Khi ly hôn, bà Lê Thị Th yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Lê Thị Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và biên bản lấy lời khai cùng ngày 17/12/2021, bị đơn ông Nguyễn Quang T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông T thống nhất với lời trình bày của bà Th về quan hệ hôn nhân. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, mâu thuẫn phát sinh sau khi bà Th sinh cháu Nguyễn Lê Tấn P. Nguyên nhân là thu nhập của hai vợ chồng không đủ trang trải cuộc sống nên hay xảy ra cãi nhau, đây chỉ là mâu thuẫn nhỏ nhất, không đến mức trầm trọng. Vợ chồng không còn mâu thuẫn gì khác và cũng không sống ly thân. Ông T không đồng ý ly hôn và muốn hàn gắn gia đình vì ông còn thương vợ con.

Về con chung: Ông T thống nhất với lời trình bày của bà Th về con chung. Ông T mong muốn vợ chồng đoàn tụ cùng nhau tiếp tục chăm sóc, nuôi dạy con cái.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do đang chấp hành án tại Nhà tạm giữ Công an thị xã T, không có điều kiện tham gia phiên tòa nên ông T có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã T tham gia phiên tòa P biểu quan điểm như sau:

- Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân thị xã T thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự

về phiên tòa sơ thẩm. Đối với việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng các đương sự đã thực hiện đúng quy định. Đại diện Viện kiểm sát không có yêu cầu và kiến nghị để khắc phục vi phạm tố tụng.

- Về nội dung vụ án: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án hôn nhân và gia đình mà bị đơn cư trú tại thị xã T và nguyên đơn đề nghị Tòa án nhân dân thị xã T giải quyết. Căn cứ vào Điều 28, 35 và 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã T.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Bị đơn ông Nguyễn Quang T vắng mặt nhưng đã có văn bản trình bày ý kiến và đơn xin vắng mặt, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Th và ông Nguyễn Quang T có đăng ký kết hôn tại UBND phường U, thị xã T, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 26/2015, quyển số 01/2014, ngày 23/3/2015.

Nguyên đơn bà Lê Thị Th xác định mâu thuẫn vợ chồng bắt đầu từ khoảng năm 2016 đến nay. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp tính tình nhau, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi vã về vấn đề tài chính gia đình. Hiện tại, ông T đang chấp hành án 04 năm 06 tháng tù. Mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn.

Bị đơn ông Nguyễn Quang T không đồng ý ly hôn, theo ông T thì mâu thuẫn của ông bà chỉ là những mâu thuẫn nhỏ nhất về vấn đề tiền bạc, không đến mức trầm trọng và không còn mâu thuẫn nào khác, vợ chồng cũng không có thời gian nào sống ly thân.

Xét thấy, đây là lần thứ hai bà Th yêu cầu ly hôn. Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 75/2020/HNGĐ-ST ngày 16/11/2020 không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Th, tuy nhiên sau đó vợ chồng vẫn không thể hàn gắn được và

không đưa ra được biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Việc chung sống giữa bà Th và ông T không còn hạnh phúc. Do đó, có căn cứ xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa bà Th và ông T là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn không đạt được, việc bà Th yêu cầu ly hôn với ông T là có cơ sở chấp nhận.

[2] Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Lê Tấn P, sinh ngày 09/12/2016. Bà Lê Thị Th yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử thấy, hiện tại cháu P đang sống cùng bà Th, bà Th có đủ điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng con, còn ông T đang phải chấp hành án nên Hội đồng xét xử chấp nhận giao con chung cho bà Th được trực tiếp nuôi dưỡng.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có cơ sở chấp nhận.

[5] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Các đương sự phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 269, Điều 271, Điều 273 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Th về việc tranh chấp ly hôn với bị đơn ông Nguyễn Quang T.

- *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Lê Thị Th được ly hôn với ông Nguyễn Quang T.

- *Về con chung:* Giao con chung tên Nguyễn Lê Tấn P, sinh ngày 09/12/2016 cho bà Lê Thị Th được trực tiếp nuôi dưỡng.

Bà Lê Thị Th và ông Nguyễn Quang T đều có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con theo quy định của pháp luật. Sau khi

ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người đang trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con chưa thành niên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi có đơn yêu cầu.

- *Về cấp dưỡng nuôi con chung*: Ghi nhận sự tự nguyện của bà Lê Thị Th về việc không yêu cầu ông Nguyễn Quang T cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Lê Thị Th phải chịu 300.000 đồng, khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0005623 ngày 08/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã T, tỉnh Bình Dương.

Đương sự có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Nếu vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã T;
- Chi cục THADS thị xã T;
- Các đương sự;
- Lưu VT, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Văn Trí